

ENG 7 – UNIT 10: ENERGY SOURCES
VOCABULARY TEST 3.2

Choose the correct answer

1. nguy hiểm	A. dengerous	B. dangirous	C. dangerous
2. an toàn	A. save	B. safe	C. sape
3. làm ô nhiễm	A. pollute	B. polute	C. pollut
4. chất gây ô nhiễm	A. pollutent	B. pollutant	C. pollument
5. môi trường	A. invironment	B. enviroment	C. environment
6. chính phủ	A. government	B. gavernment	C. goverment
7. tổ chức	A. oganization	B. organization	C. organaization
8. cá nhân	A. individual	B. individul	C. endividual
9. phụ thuộc vào	A. rily on	B. rely in	C. rely on
10. hiệu quả	A. effective	B. iffective	C. affective
11. sự thiếu hụt	A. short	B. shortige	C. shortage
12. sự thừa thãi	A. abundant	B. abundance	C. obundance
13. phong phú, thừa thãi	A. abundent	B. obundant	C. abundant
14. năng lượng sạch	A. clean energy	B. clear energy	C. cline energy
15. giảm	A. replace	B. reduce	C. recycle
16. thay thế	A. olternative	B. anternative	C. alternative
17. lượng tiêu dùng	A. consumption	B. consupsion	C. consumpption
18. tìm kiếm	A. look at	B. look for	C. look after
19. tạo ra	A. generate	B. genorate	C. generete
20. làm nóng, sưởi ấm	A. hot up	B. hit up	C. heat up
21. làm mát	A. cool down	B. cool up	C. cold down
22. có ảnh hưởng đến	A. have affect on	B. have effect on	C. have effective on
23. dấu chân các-bon	A. carbon footprint	B. carbon foot	C. carbon dioxide
24. dồi dào	A. plentifal	B. plentiful	C. plentifully